

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 9 năm 2009**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT	7 - 9

Số: 508 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tóm tắt của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 09 năm 2009.

Các báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo chi nhằm mục đích công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo yêu cầu của Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Bộ Tài chính. Các báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo cũng không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính tóm tắt này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính tóm tắt theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính tóm tắt không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 30 tháng 09 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2009

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

MẪU B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	30/09/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	3.963.796.265.154	3.563.870.157.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	913.365.095.476	833.561.025.759
1. Tiền mặt tại quỹ	6.221.378.728	2.791.630.458
2. Tiền gửi ngân hàng	133.239.081.998	198.139.176.416
3. Tiền đang chuyển	4.904.634.750	29.256.718.885
4. Các khoản tương đương tiền	769.000.000.000	603.373.500.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.234.138.816.165	2.260.742.889.542
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	150.470.886.327	138.879.864.425
2. Đầu tư ngắn hạn khác	2.098.195.480.000	2.153.763.823.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.527.550.162)	(31.900.797.883)
III. Các khoản phải thu	768.761.388.207	446.409.607.448
1. Phải thu khách hàng	593.394.475.680	414.665.507.517
2. Trả trước cho người bán	71.798.266.915	2.164.573.233
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	34.724.336	-
4. Các khoản phải thu khác	119.516.144.865	36.691.658.247
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(15.982.223.589)	(7.112.131.549)
IV. Tài sản lưu động khác	47.530.965.306	23.156.635.235
1. Tạm ứng	36.046.404.037	13.283.186.144
2. Chi phí trả trước	10.377.907.189	9.523.668.886
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	519.752.605	349.780.205
4. Hàng tồn kho	586.901.475	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	1.907.793.092.983	1.354.490.610.203
I. Tài sản cố định	290.288.896.096	284.571.786.097
1. Tài sản cố định hữu hình	45.686.436.444	64.910.889.965
<i>Nguyên giá</i>	102.348.671.678	110.423.171.422
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(56.662.235.234)	(45.512.281.457)
2. Tài sản cố định vô hình	244.602.459.652	219.660.896.132
<i>Nguyên giá</i>	256.987.484.314	222.497.973.125
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(12.385.024.662)	(2.837.076.993)
II. Các khoản đầu tư dài hạn	1.604.110.988.819	1.061.443.433.448
1. Đầu tư vào công ty con	228.750.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	156.367.200.000	156.367.200.000
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.236.010.411.280	922.092.855.909
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.016.622.461)	(17.016.622.461)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.915.250.000	-
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	11.477.958.068	8.475.390.658
1. Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	2.800.405.377	274.747.473
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	2.677.552.691	2.200.643.185
TỔNG TÀI SẢN	5.871.589.358.137	4.918.360.768.187

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 9 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Mẫu B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	30/09/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	3.474.489.505.281	2.630.338.752.346
I. Nợ ngắn hạn	2.630.536.815.110	1.970.619.571.064
1. Phải trả cho người bán	566.179.042.824	237.592.570.593
2. Người mua trả tiền trước	6.479.603.068	962.028.851
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.131.144.712	13.658.287.912
4. Phải trả công nhân viên	40.473.857.030	11.269.570.568
5. Các khoản phải trả phải nộp khác	1.993.273.167.476	1.707.137.113.140
II. Dự phòng nghiệp vụ	841.771.600.071	657.542.688.182
1. Dự phòng phí	570.567.478.271	473.456.872.467
2. Dự phòng bồi thường	195.859.684.166	120.483.459.735
3. Dự phòng dao động lớn	75.344.437.634	63.602.355.980
III. Nợ khác	2.181.090.100	2.176.493.100
1. Phải trả dài hạn khác	9.000.000	-
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	2.172.090.100	2.176.493.100
B. NGUỒN VỐN	2.397.099.852.856	2.288.022.015.841
I. Nguồn vốn, quỹ	2.384.151.874.018	2.284.311.686.518
1. Nguồn vốn kinh doanh	2.085.487.773.800	2.085.487.773.800
2. Quỹ đầu tư phát triển	139.861.575.623	69.990.166.798
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	22.669.612.034	15.179.987.611
4. Lợi nhuận chưa phân phối	136.132.912.561	113.653.758.309
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	12.947.978.838	3.710.329.323
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.947.978.838	3.710.329.323
TỔNG NGUỒN VỐN	5.871.589.358.137	4.918.360.768.187



Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

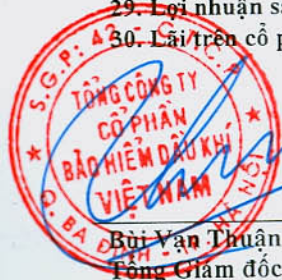
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 9 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009

MẪU B 02-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	9 tháng đầu năm 2009	9 tháng đầu năm 2008
1. Thu phí bảo hiểm gốc	2.131.462.820.199	1.662.731.720.517
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	132.618.859.885	96.524.301.382
3. Các khoản giảm trừ	(1.351.986.488.897)	(985.248.665.373)
<i>Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>(1.336.551.951.991)</i>	<i>(972.402.500.255)</i>
<i>Hoàn phí</i>	<i>(14.837.929.999)</i>	<i>(12.138.630.168)</i>
<i>Các khoản giảm trừ khác</i>	<i>(596.606.907)</i>	<i>(707.534.950)</i>
4. Tăng dự phòng phí	(97.110.605.804)	(153.501.691.315)
5. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	105.661.656.697	58.736.413.731
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	159.515.232	4.033.337.584
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	920.805.757.312	683.275.416.526
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	(510.536.797.802)	(581.747.563.217)
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(35.785.512.521)	(29.428.021.396)
10. Các khoản giảm trừ:	242.432.275.262	384.781.506.495
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>231.366.972.956</i>	<i>381.317.616.690</i>
<i>Thu đòi người thứ ba</i>	<i>3.113.268.471</i>	<i>3.197.257.305</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>7.952.033.835</i>	<i>266.632.500</i>
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	(303.890.035.061)	(226.394.078.118)
12. Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	15.638.672.289	-
13. Tăng dự phòng bồi thường	(75.376.224.431)	(11.557.294.256)
14. Trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	(27.380.753.943)	(23.241.446.744)
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(93.428.494.652)	(82.992.283.159)
16. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm	(484.436.835.798)	(344.185.102.277)
17. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	436.368.921.514	339.090.314.249
18. Chi phí bán hàng	(300.344.508.099)	(210.902.027.145)
19. Chi phí quản lý	(110.529.877.572)	(83.527.864.767)
20. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25.494.535.843	44.660.422.337
21. Doanh thu hoạt động tài chính	329.205.164.886	322.236.371.995
22. Chi phí hoạt động tài chính	(183.731.634.684)	(243.890.606.788)
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	145.473.530.202	78.345.765.207
24. Lợi nhuận hoạt động khác	619.427.738	86.528.615.782
25. Lợi nhuận kế toán	171.587.493.783	209.534.803.326
26. Các khoản điều chỉnh	2.772.548.743	-
27. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	174.360.042.526	209.534.803.326
28. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.795.005.316)	-
29. Lợi nhuận sau thuế	149.792.488.467	209.534.803.326
30. Lãi trên cổ phiếu	1.447	2.176



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2009


Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 9 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU B 03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	9 tháng đầu năm 2009	9 tháng đầu năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu phí và hoa hồng	1.902.885.373.859	1.300.511.922.783
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	171.385.164.889	155.953.895.016
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	14.037.315.276	5.758.594.423
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	414.480.388.535	636.969.007.267
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	(547.983.630.185)	(346.837.500.693)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của KD bảo hiểm	(805.051.523.555)	(606.806.859.740)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(333.356.716.146)	(164.421.174.049)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	(89.041.114.269)	(43.751.141.704)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	(180.186.503.915)	(100.193.599.771)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	(677.343.283.036)	(897.785.071.786)
11. Tiền tạm ứng cho CBCNV và ứng trước cho người bán	(53.994.682.203)	(44.999.736.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(184.169.210.750)	(105.601.665.027)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	2.757.195.793.743	4.289.902.122.612
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	130.392.481.294	75.875.756.867
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	(2.747.335.268.000)	(4.544.497.795.196)
4. Tiền mua tài sản cố định	(28.373.912.458)	(17.705.757.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	111.879.094.579	(196.425.672.855)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu do đi vay	142.113.473.080	-
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	-	446.987.500.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	165.435.686.385	147.386.192.930
4. Tiền đã trả nợ vay	(142.867.699.577)	(566.406.335.002)
5. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	(12.587.274.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	152.094.185.888	27.967.357.928
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	79.804.069.717	(274.059.979.954)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	833.561.025.759	1.158.716.050.708
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	913.365.095.476	884.656.070.754



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2009

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 9 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty chính thức hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 có thời hạn hoạt động là vô hạn. Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2009 của Tổng Công ty là 1.035.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần của Tổng Công ty là 103.550.000, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính tóm tắt

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty có một khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Tổng Công ty sở hữu 79% vốn điều lệ tương đương với 79% quyền biểu quyết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không có dự định nắm giữ quyền kiểm soát đối với Công ty con này trong dài hạn. Vì vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính tóm tắt chỉ nhằm mục đích công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo yêu cầu của Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính. Theo đó, việc trình bày báo cáo tài chính tóm tắt chỉ chọn lọc các thông tin tài chính tổng quát.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 09 năm 2009.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tóm tắt:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tóm tắt tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tóm tắt cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, Tổng Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT (TIẾP THEO)

MÃ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày cuối kỳ. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá tham khảo từ Công ty Chứng khoán Rồng Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và trang web www.sanotc.com.

Đối với một số khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và đầu tư dài hạn mà Tổng Công ty không thể thu thập được giá giao dịch để làm cơ sở lập dự phòng giảm giá, Tổng Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập giá giao dịch của chúng, tuy nhiên, không có thông tin về giá giao dịch của chúng trên thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng đánh giá và tin tưởng rằng, giá trị của các khoản chứng khoán và đầu tư này không bị suy giảm. Vì vậy, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản chứng khoán và đầu tư dài hạn này.

3.5 Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình bao gồm chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đề cổ phần hóa với số tiền là 213.785.395.213 đồng được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khác. Việc ghi nhận phần chênh lệch này là tài sản cố định vô hình là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 hướng dẫn về kế toán tài sản cố định vô hình. Trong khi chờ ý kiến trả lời của Bộ Tài chính về việc trích khấu hao hay phân bổ chi phí trả trước, Tổng Công ty đã tạm trích khấu hao từ ngày 01/01/2009 với thời gian khấu hao là 20 năm.

3.6 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không hạch toán khoản thuế hoãn lại nào trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu từ khi bắt đầu hoạt động và được giảm 50% cho 2 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ 3 Tổng Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần nên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài thì các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm (trừ các công ty có cơ sở thường trú tại nước có ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Chính phủ Việt Nam và đã thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục X, Phần B, Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007) thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01/11/2005. Hiện tại, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại Công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên. Việc xác định số thuế phải nộp của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.7 Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007, Thông tư số 86/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 04 năm 2009 (sửa đổi bổ sung một số điểm trong Thông tư số 156/2007/TT-BTC) và Công văn số 17287/BTC-BH ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, theo đó:

Dự phòng phí: mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong kỳ và bằng 50% mức phí giữ lại trong kỳ đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm: Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), dự phòng bồi thường được trích lập dựa theo tỷ lệ thống kê trong 3 năm liên tiếp. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng IBNR chỉ được thực hiện khi Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hàng năm, đối với báo cáo hàng quý, dự phòng IBNR không được trích lập do chưa có số liệu thống kê theo quý. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng dự phòng IBNR hàng quý là không đáng kể và không cần phải trích lập.

Dự phòng dao động lớn: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về “Hợp đồng bảo hiểm”, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 3% phí giữ lại trong kỳ. Quý 1 năm 2008 mức trích lập dự phòng là 5%.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc: Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã có hiệu lực và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm: Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trong quý trên cơ sở bản thanh toán về tái bảo hiểm nhận được từ các nhà tái bảo hiểm.

Đối với các hoạt động khác: Doanh thu từ các hoạt động khác được ghi nhận khi phát sinh.

3.9 Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm.

Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu kỳ từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.